

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

QUAN ĐIỂM MÁC XÍT VỀ TÔN GIÁO

ĐỖ QUANG KHẮC^(*)

Tôn giáo được phiên dịch từ Religion. Thuật ngữ này có gốc từ religare, nghĩa là sự nối liền con người với một siêu nhiên nào đó nhằm thu nhận thêm phần ngoài khu vực đã hiểu biết, khu vực siêu hình và phi lí tính. Do vậy, tôn giáo là hiện tượng có từ rất sớm. Buổi sơ khai của loài người, hình thức đầu tiên của tôn giáo là “hồn linh giáo”(mọi vật trong tự nhiên có linh hồn), tiếp đó phát triển thành đa thần giáo, rồi độc thần giáo. Có nhiều ý kiến khác nhau về nguyên nhân xuất hiện các hình thức tôn giáo nguyên thủy. Điều đó chứng tỏ đã xuất hiện nhu cầu nghiên cứu khoa học về tôn giáo, nhưng khoa học về tôn giáo lại ra đời chậm hơn nhiều.

Lướt qua những lí giải về “ý niệm” tôn giáo tiên khoa học, bài viết này chỉ đề cập đến quan điểm mácxít về tôn giáo từ khi C. Mác thực hiện cuộc cách mạng trong tôn giáo học trên cơ sở chủ nghĩa duy vật biện chứng. Quan điểm của C. Mác về tôn giáo gồm nhiều vấn đề như: bản chất, nguồn gốc, chức năng và vai trò của nó đối với xã hội... Nắm vững các vấn đề lí luận đó giúp chúng ta trong nghiên cứu và thực hiện chính sách đối với tôn giáo toàn diện hơn, sâu sắc hơn.

Về bản chất của tôn giáo

Trước C. Mác, quan điểm của L. Phobách về tôn giáo là đáng quan tâm nhất. Ông cho rằng định nghĩa về bản chất của cục

chỉ là bản chất của con người đã được tách khỏi giới hạn cá nhân con người, một bản chất đã được khách quan hóa, nghĩa là được tôn sùng như một bản chất xa lạ và riêng biệt đối với con người⁽¹⁾. Từ đây, L. Phobách trình bày về bản chất tôn giáo ở ba khía cạnh sau:

Thứ nhất, tôn giáo “là sự vén mở trang trọng nhất những kho tàng ẩn giấu trong con người, là sự thừa nhận những ý nghĩ thâm kín nhất, là lời thú nhận công khai những bí mật tình yêu của con người”⁽²⁾. Như vậy, L. Phobách khẳng định tôn giáo là sản phẩm tinh thần của con người, là hình thái ý thức xã hội đặc biệt.

Thứ hai, con người tạo ra tôn giáo chứ tôn giáo không tạo ra con người. “Tôn giáo là bản chất con trẻ của loài người, nhưng đứa trẻ lại thấy bản chất của mình, tức con người, ở ngoài mình”⁽³⁾.

Thứ ba, quá trình phát triển của tôn giáo là quá trình con người nhận thức sâu sắc hơn, khám phá nhiều hơn chính mình. Do vậy, tôn giáo là thái độ của con người đối với chính mình.

*. TS, Khoa Dân tộc và Tôn giáo, Học viện Chính trị - Hành chính khu vực III, quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng.

1. *Về tôn giáo*, tập 1. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội, 1994, tr. 105.

2. Sđd. Tr. 103.

3. Sđd. Tr. 104.

Từ ba nội dung trên, L. Phobách kết luận về tôn giáo: “Con người tư duy thế nào thì Chúa của họ cũng như thế. ý thức về Chúa là ý thức con người rút ra về bản thân nó”⁽⁴⁾.

C.Mác đã đánh giá rất cao quan điểm trên đây của L. Phobách về bản chất tôn giáo và có kế thừa, phê phán. Ông cho rằng, quan niệm về bản chất tôn giáo của L. Phobách lúc bấy giờ là đỉnh cao nhất, đánh dấu bước tiến dài của con người trong nhận thức, kiến giải hiện tượng xã hội đặc biệt này. Từ đó, C. Mác đã nhấn mạnh: “Tôn giáo là sự rút hết toàn bộ nội dung của con người và giới tự nhiên, là việc chuyển nội dung đó sang cho cái bóng ma Thượng Đế. ở bên kia thế giới, Thượng Đế này, sau đó, do lòng nhân từ, lại trả về cho con người và giới tự nhiên một chút ân huệ của mình”⁽⁵⁾. Đồng thời, C. Mác cũng đã chỉ ra hạn chế của Phobách khi nói tôn giáo là tình cảm bí mật của con người, nhưng con người trong quan niệm của L. Phobách là con người thoát khỏi hoàn cảnh lịch sử cụ thể, con người trừu tượng, để rồi muốn tìm kiếm một tôn giáo khác thay cho tôn giáo hiện tại. Tất nhiên, L. Phobách càng không nhận thức được rằng tôn giáo là một phạm trù lịch sử và còn tồn tại lâu dài.

Vượt qua hạn chế ấy, C. Mác đã trình bày luận điểm khoa học về bản chất tôn giáo bằng những định nghĩa khác nhau: Tôn giáo là trái tim của một thế giới không có trái tim, là tinh thần của một trật tự không có tinh thần⁽⁶⁾; tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân⁽⁷⁾; và khi cuộc sống còn là biển khổ thì tôn giáo vẫn là vòng hào quang thần thánh, là hạnh phúc hư ảo của nhân dân, là lí luận phổ biến của thế giới quan lộn ngược, v.v... Ph. Ăngghen - người bạn trung thành của C. Mác khẳng định: “Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo vào

trong đầu óc con người của những lực lượng ở bên ngoài đang chi phối cuộc sống hàng ngày của họ, chỉ là sự phản ánh trong đó, những lực lượng ở trần thế đã mang những hình thức siêu trần thế”⁽⁸⁾.

Sự phân tích về bản chất tôn giáo của C.Mác cho thấy: Mọi tôn giáo chỉ là sự phản ánh hư ảo của những lực lượng ở bên ngoài đang chi phối cuộc sống hàng ngày của con người và tôn giáo còn tồn tại lâu dài.

Về nguồn gốc của tôn giáo

Các nhà lí luận theo trường phái duy tâm thường cho rằng tôn giáo là cái tự có tồn tại ngoài thế giới vật chất, “là thuộc tính vốn có trong ý thức của con người mà không lệ thuộc vào hiện thực khách quan; hay nói cách khác, tôn giáo là sản phẩm mang tính nội sinh của ý thức con người”⁽⁹⁾. Đó là những quan niệm trái với C. Mác về nguồn gốc của tôn giáo.

Theo học thuyết Mác, ý thức tôn giáo là sự phản ánh thế giới vật chất theo phương thức riêng, đặc biệt (hư ảo, phi lí tính) nhưng nó không nằm ngoài quy luật phát triển của lịch sử loài người. Vì vậy, tôn giáo là sự kiện lịch sử, một hiện tượng thuộc kiến trúc thượng tầng của một xã hội nhất định. Do đó, chúng ta nhất thiết phải trở về với quan điểm của C. Mác để hiểu đầy đủ nguồn gốc ra đời, quá trình hình thành của tôn giáo.

Về nguồn gốc kinh tế - xã hội của tôn giáo. Trong xã hội nguyên thủy, do trình

4. Đặng Nghiêm Vạn. *Về tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội, 1996, tr.18.

5. C. Mác-Ph. *Ăngghen Toàn tập*, tập 1. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1993, tr. 815.

6. Sđd. Tr. 570.

7. Sđd. Tr. 569.

8. C.Mác-Ph. *Ăngghen. Toàn tập*, tập 20. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1995, tr. 437.

9. Viện Thông tin Khoa học Xã hội. *Tôn giáo và đời sống hiện đại*, tập 2. Hà Nội. 1997, tr. 6-7.

độ sản xuất thấp kém, con người gần như bất lực trước sức mạnh của thiên nhiên và nảy sinh sự sợ hãi. Từ sợ hãi, con người đã “thăng hoa” các hiện tượng tự nhiên thành lực lượng siêu nhiên và lệ thuộc vào sự chi phối của nó. Đồng thời với sự phụ thuộc tự nhiên, con người còn luôn gặp phải sự tác động của các quan hệ xã hội như: chiến tranh bộ lạc, phân công lao động, v.v... Những yếu tố này cũng đã làm gia tăng tâm lí sợ hãi cái chết, và con người đã tạo ra tôn giáo nguyên thủy. Theo C. Mác, hiện tượng tôn giáo nguyên thủy là sản phẩm của nhận thức con người khi con người còn “tối tăm” về bản thân mình và thế giới tự nhiên.

Khi xuất hiện sự đối kháng giai cấp trong xã hội, thì nạn bóc lột về kinh tế, áp bức lao động, lệ thuộc về chính trị, miệt thị về tinh thần, v.v... làm cho con người sợ hãi, đau khổ gấp nhiều lần. Do sự hẫng hụt, thất vọng, thiếu vắng hạnh phúc ở “cõi trần” nên con người đi tìm điểm tựa ở cõi vô hình, siêu nhiên. Quan điểm này của C. Mác được V. I. Lênin phân tích sâu sắc trong thời kì tư bản chủ nghĩa, rằng: những thế lực mù quáng của chủ nghĩa tư bản là “sự phá sản đột ngột, bất ngờ. Những ngẫu nhiên làm cho người ta bị diệt vong, bị biến thành người ăn xin, thành bần cùng, một gái điếm, và dồn họ vào cảnh chết đói... chính là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo hiện đại mà người duy vật phải chú ý trước hết và trên hết”⁽¹⁰⁾. Tuy vậy, cần tránh nhận định rằng khi khả năng chinh phục tự nhiên và làm chủ xã hội của con người tăng lên thì sẽ “đẩy lùi” tôn giáo, vì trong điều kiện lịch sử nhất định, khả năng nhận thức của con người là có hạn. Do vậy, tôn giáo còn có nguyên nhân tồn tại của nó.

Về nguồn gốc nhận thức của tôn giáo. Khả năng nhận thức có giới hạn của con người về nguyên nhân phát sinh các hiện tượng tự nhiên và bất bình đẳng xã hội

làm cho con người sợ hãi, không làm chủ được “số phận” của mình là những tiền đề hình thành niềm tin tôn giáo.

Theo quan điểm duy vật biện chứng của C. Mác, quá trình nhận thức là phức tạp và mâu thuẫn. Khi hình thức hiện thực phản ánh đa dạng bao nhiêu, thì con người càng có khả năng nhận thức thế giới sâu sắc bấy nhiêu. Nhưng khả năng đó cũng tạo ra những tiền đề làm cho tư duy của con người rời xa hiện thực và phản ánh sai lệch hiện thực. Do vậy, ý thức đã có cơ sở khách quan để tách rời và nhận thức sai lầm hiện thực. Khi ý thức vượt trước hiện thực khách quan, phát hiện quy luật vận động của hiện thực thì nó là ý thức khoa học, là cơ sở chỉ dẫn việc cải tạo tự nhiên và xã hội. Ngược lại, ý thức xa rời hiện thực bằng cách tuyệt đối hóa hay sùng bái, ảo tưởng các mặt riêng biệt của hiện thực thì đó là con đường nhận thức của chủ nghĩa duy tâm và tôn giáo.

Nguồn gốc nhận thức của tôn giáo nói lên rằng, nó là hiện thực mà con người đẩy cái thuộc về hiện tượng trong tư duy của mình thành khách thể tồn tại bên ngoài mình - “con người sáng tạo ra tôn giáo” - điều mà C. Mác kế thừa L. Phobách từ quan điểm duy vật biện chứng của ông. Tuy nhiên, gắn liền với nguồn gốc nhận thức, C. Mác còn chỉ ra nguồn gốc tâm lí của tôn giáo.

Về nguồn gốc tâm lí của tôn giáo. Xuất phát từ trạng thái tình cảm, cảm xúc cả tiêu cực lẫn tích cực cũng đều dẫn con người đến với niềm tin tôn giáo. Những cảm xúc, tâm trạng của con người trước sức mạnh của tự nhiên và những biến cố của xã hội đã và đang trở thành những thủ thách to lớn trong cuộc sống cả cộng

10. *V.I.Lênin Toàn tập*, tập 17. Nxb. Tiến bộ. Mátxcova, 1979, tr. 510-526.

đồng, đóng vai trò rất quan trọng đối với sự ra đời, phát triển của tôn giáo.

Quá trình tồn tại, con người luôn đứng trước một hiện thực vừa nghiêm khắc vừa bao dung, vừa gần gũi, vừa xa lạ đã làm phát sinh tâm trạng tiêu cực như: sợ hãi, lo âu, đau buồn, cô đơn, bất hạnh và tuyệt vọng, cái trạng thái tâm lí ấy thường trực trong ý thức, dẫn con người rơi vào “tâm thế khuất phục” và tin tưởng có một lực lượng bí ẩn nào đó định đoạt vận mệnh con người.

Tuy nhiên, nguồn gốc tâm lí của tôn giáo còn xuất phát từ trạng thái tình cảm tích cực như: sự ngưỡng mộ, lòng kính trọng, niềm vui, hạnh phúc, lòng tự hào, v.v... Cái trạng thái tâm lí ấy khiến con người nảy sinh khao khát chế ngự, ước vọng duy trì những tình cảm tích cực, cũng dẫn con người đến niềm tin tôn giáo.

Như vậy, khắc phục quan điểm duy tâm của L. Phobách về tôn giáo và bằng quan điểm duy vật biện chứng, C. Mác đã khẳng định rằng tôn giáo không nằm ngoài thế giới vật chất, cũng không vốn có trong ý thức con người. Tôn giáo là hiện tượng xã hội xuất hiện bởi nguyên nhân xã hội, nguyên nhân từ nhận thức và tâm lí, trong đó, nguồn gốc xã hội giữ vai trò quyết định. Tôn giáo còn tồn tại “khi xã hội còn giai cấp và áp bức giai cấp, còn điều thiện và điều ác, còn lương tâm, hướng thiện và sự sám hối về tội lỗi, còn cần nơi an ủi tâm linh”⁽¹¹⁾. Đó cũng là cơ sở quy định chức năng của tôn giáo.

Chức năng của tôn giáo

Các chức năng của tôn giáo được C. Mác bàn đến như: chức năng đền bù hư ảo, chức năng thế giới quan, chức năng điều chỉnh và chức năng giao tiếp.

Khi niềm tin vào cuộc sống mất đi, người ta sẽ thiết lập đức tin vào thế giới siêu thực nhằm bù đắp một cách hư ảo

những bất lực, thiếu hụt của con người trong đời sống hiện thực. Đây là chức năng mà các hình thái ý thức xã hội khác không có. Chức năng thỏa mãn nhu cầu nhận thức, nghĩa là nó góp phần trả lời các câu hỏi: Ai sáng tạo ra thế giới này? Vai trò của con người như thế nào trong vũ trụ?, v.v... Những câu hỏi đó không những các hình thái ý thức xã hội khác trả lời mà có cả ý thức tôn giáo. Cái đặc thù ở chức năng thế giới quan tôn giáo là nó tạo ra sự sai lệch về bức tranh, hình ảnh thế giới. Chức năng điều chỉnh của tôn giáo đưa ra tiêu chuẩn để định hướng nhận thức và điều khiển hành vi mà những người có cùng niềm tin tôn giáo tuân theo. Đồng thời, tôn giáo có chức năng liên kết. Thông qua các nghi lễ, tôn giáo tạo ra môi trường tâm linh để thực hiện sự giao tiếp giữa tín đồ với đức tin được tôn thờ và liên kết xã hội giữa những người cùng niềm tin.

Ngày nay, khi tìm hiểu chức năng của tôn giáo, nhiều nhà khoa học nhấn mạnh đến 2 chức năng là điều chỉnh hành vi và liên kết xã hội. Với hai chức năng này, tôn giáo đã tạo thành một lực lượng xã hội rộng lớn, một cộng đồng mang tính xã hội rõ rệt. Chức năng liên kết xã hội thường dẫn đến khuynh hướng góp phần củng cố sự ổn định và phát triển xã hội. Đặc biệt là khi niềm tin tôn giáo hòa được vào tình cảm, lòng tự hào dân tộc, đức tin thiêng liêng quyện với lòng ngưỡng mộ, tôn kính lãnh tụ, danh nhân của mỗi con người. Nhưng cũng có những trường hợp ngược lại, nó làm rạn nứt các quan hệ xã hội, gây nên “điểm nóng” dẫn đến sự phá vỡ sự ổn định xã hội. Với những chức năng như vậy, tôn giáo xuất hiện như một hiện tượng, một sự kiện có sức mạnh to lớn.

11. *Một số hiểu biết về tôn giáo. Tôn giáo Việt Nam.* Nxb. Quân đội nhân dân. Hà Nội, 1993, tr. 28.

Như vậy, trong quan niệm của C. Mác, bức tranh hiện thực thông qua sự phản ánh của tôn giáo trở nên viển vông, hư ảo, làm cản trở tư duy khoa học, hạ thấp tính tích cực, sáng tạo của nhân tố chủ quan. Nhưng trong xã hội có giai cấp và tình trạng người bóc lột người thì ước mơ tôn giáo dù có viển vông đến mấy, nó vẫn là “mơ ước làm dịu mát lòng người”, và biểu hiện ở vai trò của tôn giáo.

Vai trò của tôn giáo

C. Mác cho rằng, tôn giáo có vai trò tác động đến đời sống xã hội ở cả hai mặt tích cực và tiêu cực. Một mặt, nó là sự phản ánh hiện thực hư ảo, không tưởng; mặt khác, nó là sự phản kháng chống lại sự khốn cùng của thực tại. Một mặt nó giam cầm, ngăn cản sự phát triển của văn hóa; mặt khác, nó gọi lên tư duy tự do, khát vọng của con người mà trong đó đầy áp suy tư, triết lí về cuộc sống và vận mệnh của nhân loại. Ở phương diện đạo đức, tôn giáo hướng vào những giá trị nhân đạo cao cả, nó cố kết con người lại trong tình thương đồng loại hoặc có thể gây xung đột thảm khốc, chia cắt xã hội loài người. C. Mác cũng cho rằng, trong mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, vai trò xã hội của tôn giáo cũng thể hiện khác nhau. Nghĩa là, trong quan hệ với nền chính trị đồng đại, tôn giáo có thể đóng vai trò là “nhà từ thiện nhân ái”, “nhà đạo đức” hoặc là “đạo phủ”. Ở cả hai mặt, ảnh hưởng tích cực và tiêu cực, tôn giáo vẫn là “thuốc phiện” của nhân dân. Vấn đề đặt ra là hiểu thế nào về câu nói của C.Mác: “Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân”. Đây là một sự so sánh khi nói đến vai trò của tôn giáo. Con người tạo ra tôn giáo từ nhu cầu làm dịu bớt nỗi lo lắng, nỗi đau “xã hội” đang đè nặng đời sống tinh thần của mình. Bởi vậy, vai trò thuốc phiện của tôn giáo từ khi C.Mác nói cho đến nay vẫn nguyên nghĩa, đó vẫn là thuộc

tính phản ánh hư ảo, hoang tưởng cuộc sống hiện thực của nó. Ngày nay, thực tiễn vẫn còn minh chứng rằng, trong tình trạng của cuộc sống còn nhiều rủi ro, bấp bênh trước những thiên tai từ sóng thần, động đất, v.v... có thể đến bất cứ lúc nào; trong tình trạng xã hội còn không ít bất công, khủng bố, còn ngục tối nhà tù, v.v... thì tôn giáo vẫn là chất kích thích dẫn con người đến trạng thái “thăng hoa” lãng quên hiện thực.

Tất nhiên, dừng lại cách hiểu câu nói của C.Mác ở đó thì chưa đủ. Theo C.Mác, tôn giáo còn là biểu hiện sự khổ ải, nghèo nàn của hiện thực và cũng là sự phản kháng chống lại sự khổ ải, nghèo nàn ấy. Vậy nên, tôn giáo chính là “sự phản kháng” cảnh bất công, áp bức của xã hội, là sự bù đắp những bất lực hiện thực, là khát vọng mà con người muốn đạt được bằng ước mơ khi xã hội “trần thế” chưa thoả mãn họ. Do vậy, “thuốc phiện” còn được hiểu như thuốc an thần cần thiết để giảm nỗi đau “trần thế” và như một liệu pháp cần có trong hoàn cảnh xã hội nhất định. Tôn giáo cũng đóng vai trò chất men cổ vũ, thúc đẩy con người hành động một cách không vụ lợi và vì mục đích nhân văn cao cả. Trong ý nghĩa đó, vai trò của đạo đức tôn giáo bao hàm cả nghĩa tích cực.

Vấn đề là, tôn giáo ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển xã hội, trong khi “mọi tôn giáo cũng giống như khoa học, nghệ thuật và các lĩnh vực thuộc thượng tầng kiến trúc khác, tự bản thân nó không mang tính giai cấp”⁽¹²⁾. Vai trò “thuốc phiện” của tôn giáo biểu hiện khi tôn giáo bị giai cấp bóc lột thống trị sử dụng, các thế lực chính trị phản động lợi dụng thì sẽ làm thui chột ý chí cải tạo

12. Nguyễn Hùng Hậu. *Góp phần tìm hiểu quan điểm của Mác: Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân*, Tạp chí *Triết học*, số 3/1993, tr. 73.

hiện thực, đấu tranh vì sự tiến bộ xã hội. Ngược lại, khi tôn giáo ở trong một xã hội có bản chất tốt đẹp, hợp quy luật phát triển của xã hội, thì mặt tích cực của tôn giáo sẽ “toả hương thơm” thể hiện những giá trị nhân văn cao cả, hướng thiện.

Như vậy, khi xã hội có sự mâu thuẫn giai cấp thì tôn giáo thường bị mâu thuẫn đó chi phối và cuốn hút vào một lập trường chính trị nhất định. Nếu giai cấp tiến bộ đạt được sự đồng thuận, đoàn kết với tôn giáo, thì tôn giáo góp phần tạo nên sự phát triển của xã hội. Nếu giai cấp phản động lợi dụng được tôn giáo thì nó có vai trò ngược lại, sẽ là “bông hoa giả điểm trang cho xiềng xích thật”. Điều này về sau được V.I. Lênin nhấn mạnh: “Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân - câu nói đó của Mác là hòn đá tảng của toàn bộ quan điểm của chủ nghĩa Mác trong vấn đề tôn giáo”⁽¹³⁾.

Qua tìm hiểu quan điểm mácxít về tôn giáo ta có thể tóm tắt:

- Con người tạo ra tôn giáo chứ tôn giáo không tạo ra con người. Do đó, tôn giáo là phạm trù lịch sử và còn tồn tại lâu dài.

- Tôn giáo không nằm ngoài thế giới vật chất, cũng không vốn có trong ý thức con người. Tôn giáo là hiện tượng xã hội xuất hiện bởi nguồn gốc kinh tế - xã hội, từ nhận thức và tâm lí.

- Bức tranh hiện thực thông qua chức năng của tôn giáo trở nên viển vông, hư ảo, hạ thấp tính tích cực, sáng tạo của nhân tố chủ quan. Nhưng trong xã hội có giai cấp và tình trạng người bóc lột người, thì ước mơ và niềm tin tôn giáo vẫn “làm dịu mát lòng người”.

- Vai trò của tôn giáo có thể tác dụng tiêu cực, hoặc ngược lại, nó trở thành động lực thúc đẩy con người hành động một cách vị tha, nhân ái.

- Quan điểm mácxít về tôn giáo là nguyên tắc khi nghiên cứu, giải quyết vấn đề tôn giáo, nó quy định thái độ của người cộng sản đối với tôn giáo.

Thái độ của người Cộng sản đối với tôn giáo

Thứ nhất, tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo và không tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân. Người cộng sản không tuyên chiến với tôn giáo.

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, việc tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo và không tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân là nguyên tắc của người cộng sản. Điều đó, không chỉ thể hiện một cách nhất quán về mặt pháp lí mà còn được thực hiện trên thực tế một cách lâu dài. Nguyên tắc này xuất phát từ bản chất, nguồn gốc của tôn giáo và bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có điểm tương đồng, cùng mục tiêu là xuất phát từ con người và vì con người. Bởi lẽ, trong phạm vi nhất định, tôn giáo là nhân tố góp phần vào sự thành công của cách mạng vô sản. Chính vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận thấy ưu điểm trong các tôn giáo và kết hợp nó lại một cách tài tình: “Học thuyết Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả... Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm của nó chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta”⁽¹⁴⁾. Về điều này, Phiden Cattorô khẳng định: “Chúng tôi có thể đồng ý với các giới răn của Chúa vì nó rất giống chủ trương của chúng tôi. Nếu Giáo hội dạy dừng trộm cắp, chúng tôi cũng áp dụng triệt để

13. V.I. Lênin. Toàn tập, tập 17. Nxb. Tiến bộ. Mátxcova, 1979, tr. 522.

14. Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng, tập 1. Nxb. KHXH, Hà Nội, 1998, tr. 27.

nguyên tắc không trộm cắp. Một trong những đặc tính cách mạng của chúng tôi là xoá bỏ trộm cắp, biển thủ và hối lộ. Nếu Giáo hội dạy “hãy yêu tha nhân như chính mình” thì chính là điều chúng tôi khuyến khích thông qua tính liên đới giữa người và người, các điều này nằm trong bản chất của chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa xã hội⁽¹⁵⁾.

Thứ hai, khắc phục ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo là một quá trình gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

Nguyên tắc này đã được học thuyết Mác đặt nền tảng phương pháp luận ở việc công bố chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Học thuyết đó cho thấy rằng, muốn thay đổi ý thức xã hội trước hết phải thay đổi tồn tại xã hội, muốn xoá ảo tưởng trong tư tưởng con người phải xoá nguồn gốc sinh ra nó: “Phê phán thượng giới biến thành phê phán cõi trần, phê phán tôn giáo biến thành phê phán pháp quyền, phê phán thần học biến thành phê phán chính trị”⁽¹⁶⁾.

Điều cần lưu tâm là việc xây dựng một thế giới hiện thực không còn đói nghèo, thất học, bất công, tham nhũng, cùng những tệ nạn xã hội và kìm chế được thiên tai... là một quá trình lâu dài. Điều đó cho thấy, việc khắc phục tiêu cực của tôn giáo sẽ không thể thực hiện được nếu tách rời việc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, để tăng khả năng gạt bỏ dần ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo trong xã hội. Dĩ nhiên, cần coi trọng việc tuyên truyền thế giới quan biện chứng duy vật bằng nhiều hình thức.

Thứ ba, cần phân biệt nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo và sự lợi dụng tôn giáo vì mục đích ngoài tôn giáo.

Trong xã hội chưa có giai cấp, niềm tin tôn giáo chỉ biểu hiện thuần túy ở nhận

thức của con người về tự nhiên, xã hội. Nhưng khi xã hội xuất hiện giai cấp thì tôn giáo ít nhiều mang tính chất chính trị. Do đó, tôn giáo luôn tồn tại hai mặt: niềm tin tôn giáo chân chính của quần chúng và một bộ phận lợi dụng niềm tin tôn giáo của quần chúng cho mục đích phi tôn giáo, thậm chí mục đích chính trị phản động.

Trên thực tế, sự phân biệt này không đơn giản, nhưng lại là cần thiết, vì phân biệt được hai mặt đó sẽ tránh được khuynh hướng hoặc tả hoặc hữu khuynh trong việc phát huy vai trò tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của tôn giáo. Ở đây, V.I.Lênin nhắc nhở là phải có quan điểm lịch sử cụ thể: “Người mácxít phải biết chú ý đến toàn bộ tình hình cụ thể”⁽¹⁷⁾.

Trong từng giai đoạn lịch sử khác nhau, vai trò của tôn giáo đối với đời sống xã hội không như nhau. Nghĩa là, thái độ của giáo hội, giáo sĩ, tín đồ của các hình thức tôn giáo về các lĩnh vực của đời sống xã hội có sự khác biệt qua các thời kì. Chẳng hạn, có tôn giáo khi mới xuất hiện như một phong trào bảo vệ lợi ích người nô lệ, người nghèo. Nhưng về sau, tôn giáo ấy biến thành công cụ của giai cấp bóc lột thống trị. Có những giáo sĩ chân tu, suốt đời hành đạo với ý nguyện “kính Chúa yêu nước”, tha thiết sống “tốt đời đẹp đạo”, nhưng lại có những “thầy tu” bán nước cho giặc ngoại xâm. Điều đó khiến cho người cộng sản khi ứng xử với tôn giáo phải có quan điểm lịch sử cụ thể để phân biệt mặt nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo và sự lợi dụng tôn giáo vì mục đích phi tôn giáo, nhằm xoá bỏ sự lợi dụng đó./

15. *Phیدن và Tôn giáo*. Ủy ban Đoàn kết Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh, 1986, tr. 225.

16. *C.Mác- Ph.Ăngghen. Toàn tập*. Tập 1. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1995, tr. 571.

17. *V.I. Lênin. Toàn tập*. Tập 17. Nxb. Tiến bộ. Mátxcova, 1979, tr. 518.